

Phụ lục
PHÂN BỐ GẠO TỪ NGUỒN DỰ TRỮ QUỐC GIA ĐỂ HỖ TRỢ
CHO NHÂN DÂN DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Đơn vị	Số hộ	Số khẩu	Số lượng gạo (kg)	Ghi chú
Tổng cộng		32.347	91.265	1.368.975	
1	Xã Cư M'gar	46	162	2.430	
2	Xã Đức Bình	264	850	12.750	
3	Xã Phú Hòa 2	1.680	2.377	35.655	
4	Xã Xuân Thọ	319	749	11.235	
5	Xã Ea Bá	89	290	4.350	
6	Xã Đắk Phoi	321	1.424	21.360	
7	Xã Krông Năng	301	1.224	18.360	
8	Xã Xuân Phước	639	1.266	18.990	
9	Xã Tây Sơn	742	2.770	41.550	
10	Xã Xuân Lộc	884	1.575	23.625	
11	Xã Krông Nô	160	717	10.755	
12	Phường Xuân Đài	703	1.775	26.625	
13	Xã Đắk Liêng	519	1.720	25.800	
14	Xã Ea Kiết	142	513	7.695	
15	Xã Ea Knốp	373	1.251	18.765	
16	Xã Tam Giang	232	991	14.865	
17	Xã Ea Hiao	84	319	4.785	
18	Xã Cư Prao	107	352	5.280	
19	Xã Ia Rvê	96	275	4.125	
20	Phường Đông Hòa	466	1.322	19.830	
21	Xã Tân Tiến	302	1.297	19.455	
22	Xã Tây Hòa	2.826	5.991	89.865	

23	Xã Krông Ấ	170	626	9.390	
24	Xã Sơn Thành	245	480	7.200	
25	Xã Phú Xuân	264	1.069	16.035	
26	Xã Buôn Đôn	81	317	4.755	
27	Xã Đur Kmăl	183	739	11.085	
28	Xã Ea Wer	254	703	10.545	
29	Xã Ea Knuéc	209	771	11.565	
30	Xã Krông Pắc	340	1.078	16.170	
31	Xã Ea Păl	153	453	6.795	
32	Xã Ea Bung	145	390	5.850	
33	Xã Ea Ô	131	428	6.420	
34	Xã Vân Hòa	117	480	7.200	
35	Xã Dliê Ya	343	1.465	21.975	
36	Xã Cư M'ta	232	854	12.810	
37	Xã Ea Trang	107	509	7.635	
38	Xã Dang Kang	448	1.639	24.585	
39	Xã Cư Yang	188	679	10.185	
40	Xã Đồng Xuân	717	1.380	20.700	
41	Xã M'Drăk	242	842	12.630	
42	Xã Krông Ana	345	947	14.205	
43	Xã Ea Na	619	2.774	41.610	
44	Xã Ea Riêng	273	714	10.710	
45	Xã Ea Rôk	278	1.031	15.465	
46	Xã Ea Drông	116	576	8.640	
47	Xã Sơn Hòa	635	1.620	24.300	
48	Xã Ea H'leo	127	449	6.735	
49	Xã Ea Drăng	280	954	14.310	
50	Xã Hòa Sơn	424	1.702	25.530	
51	Xã Ea Nuôl	196	627	9.405	
52	Xã Ea Kar	442	1.363	20.445	

53	Xã Suối Trai	262	1.157	17.355	
54	Xã Ia Lốp	223	562	8.430	
55	Xã Ea Phê	329	1.131	16.965	
56	Xã Ea Wy	375	1.292	19.380	
57	Xã Ea Khăl	364	1.365	20.475	
58	Xã Hòa Mỹ	146	295	4.425	
59	Xã Sông Hình	263	826	12.390	
60	Xã Tuy An Tây	134	241	3.615	
61	Xã Phú Hòa 1	818	1.580	23.700	
62	Xã Phú Mỡ	439	1.563	23.445	
63	Phường Sông Cầu	439	1.285	19.275	
64	Xã Xuân Cảnh	1.539	3.760	56.400	
65	Phường Hòa Hiệp	863	2.001	30.015	
66	Xã Pong Drang	268	630	9.450	
67	Xã Quảng Phú	126	477	7.155	
68	Phường Phú Yên	3.148	4.768	71.520	
69	Xã Ea Súp	477	1.608	24.120	
70	Xã Vụ Bồn	195	728	10.920	
71	Xã Cư Pui	407	1.931	28.965	
72	Xã Liên Sơn Lắc	898	3.617	54.255	
73	Xã Ea Tul	260	1.062	15.930	
74	Xã Ea M'droh	190	691	10.365	
75	Xã Krông Bông	471	1.366	20.490	
76	Xã Nam Ka	114	460	6.900	